

Số: ~~1355~~/QĐ-SNN

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách bổ sung, cắt giảm, điều chỉnh năm 2024 của Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội

### GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT HÀ NỘI

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2383/QĐ-SNN ngày 29/12/2023, Quyết định số 135/QĐ-SNN ngày 29/02/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 541/QĐ-SNN ngày 26/7/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội về việc giao dự toán ngân sách năm 2024 để mua sắm 01 xe ô tô phục vụ công tác chung;

Căn cứ Quyết định số 793/QĐ-SNN ngày 17/9/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội về việc tiết kiệm 5% chi thường xuyên ngân sách Thành phố năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1166/QĐ-SNN ngày 06/11/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội về việc bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương và chế độ tiền thưởng năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1289/QĐ-SNN ngày 15/11/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội về việc về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai dự toán ngân sách bổ sung, cắt giảm, điều chỉnh năm 2024 của Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội (có phụ lục kèm theo).



**Điều 2.** Chánh Văn phòng Sở; Trưởng các phòng: Kế hoạch - Tài chính, Tổ chức cán bộ, Quản lý xây dựng công trình, Kỹ thuật và chính sách nông nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- Đ/c GD Sở; (để báo cáo)
- Các đ/c PGĐ Sở;
- VP Sở; (để đăng Website)
- Lưu: VT, KT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Tạ Văn Tường**





**Dự toán thu, chi ngân sách năm 2024**  
**của Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội**  
*(Kèm theo Quyết định số: 1355/QĐ-SNN ngày 28/11/2024*  
*của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội)*

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Số tiền
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>1</b>	<b>Số thu phí</b>	<b>400.000.000</b>
	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, đầu tư xây dựng hoặc thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật), phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; phí thẩm định dự toán xây dựng	400.000.000
<b>2</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>360.000.000</b>
	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, đầu tư xây dựng hoặc thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật), phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; phí thẩm định dự toán xây dựng	360.000.000
	<i>Trong đó:</i> <i>Dành nguồn để tích lũy thực hiện cải cách tiền lương</i> <i>Tiết kiệm 5%</i>	144.000.000 11.000.000
<b>3</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>40.000.000</b>
	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, đầu tư xây dựng hoặc thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật), phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; phí thẩm định dự toán xây dựng	40.000.000
<b>B</b>	<b>Chi ngân sách</b>	<b>65.662.143.134</b>
<b>I</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>28.853.143.134</b>
<b>1</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>16.043.943.134</b>
<i>a</i>	<i>Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT,...)</i>	<i>8.088.000.000</i>
<i>b</i>	<i>Chi khác ngoài lương</i>	<i>7.955.943.134</i>
	Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ của công chức	6.168.943.134
	Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ của hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ <b>được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt</b>	1.425.000.000
	<i>Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung</i>	<i>362.000.000</i>
<b>2</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>12.809.200.000</b>
<i>a</i>	<i>Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương</i>	<i>2.527.000.000</i>
<i>b</i>	<i>Chi nghiệp vụ</i>	<i>7.087.000.000</i>
	Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Thành phố (chi bồi dưỡng trực; dịch vụ công cộng; văn phòng phẩm; thông tin liên lạc; chi sửa chữa TSCĐ; vật tư, chi khác)	1.900.000.000





	Kinh phí duy trì hệ thống thông tin ngành nông nghiệp	950.000.000
	Tiền thưởng 6 tháng cuối năm 2024	420.000.000
	Kinh phí tập huấn bồi dưỡng kiến thức an toàn lao động, vệ sinh lao động trong sản xuất nông nghiệp	66.000.000
	Tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội	900.000.000
	Kinh phí hỗ trợ lễ tang, xây mộ, phúng viếng cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý qua các thời kỳ khi từ trần	29.000.000
	Kinh phí tổ chức kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2.230.000.000
	Kinh phí thẩm định hồ sơ công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn Thành phố	10.000.000
	Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật theo Kế hoạch của UBND Thành phố	200.000.000
	Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, tuyên truyền việc thực hiện cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội	382.000.000
<b>c</b>	<b>Chi mua sắm, sửa chữa tài sản công</b>	<b>3.195.200.000</b>
	Bàn ghế phòng họp (01 bộ bàn quây, ghế chủ tọa 01 chiếc, ghế họp 70 chiếc)	518.000.000
	Hệ thống micro phục vụ họp và hội thảo (đồng bộ, bao gồm các phụ kiện, công và các chi phí khác)	762.000.000
	Hệ thống âm thanh phục vụ họp và hội thảo (đồng bộ, bao gồm các phụ kiện, công và các chi phí khác)	52.000.000
	Bảo dưỡng hệ thống PCCC	48.000.000
	Mua xe ô tô phục vụ công tác chung	1.815.200.000
<b>II</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	<b>36.809.000.000</b>
<b>1</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>36.809.000.000</b>
<b>a</b>	<b>Chi nghiệp vụ</b>	<b>34.425.000.000</b>
	Cung ứng tinh dịch lợn phục vụ công tác thụ tinh nhân tạo lợn trên địa bàn thành phố Hà Nội	18.966.000.000
	Kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển bò cái nền trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025	7.251.000.000
	Hỗ trợ sản xuất, cung ứng, lưu giữ giống gốc giống Gà Mía 01 ngày tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội	9.025.000.000
	Kinh phí thực hiện Dự án “Tăng cường chuỗi giá trị cây trồng an toàn tại các tỉnh phía Bắc Việt Nam”	300.000.000
<b>b</b>	<b>Kinh phí hoạt động Khuyến nông thành phố Hà Nội</b>	<b>380.000.000</b>
<b>c</b>	<b>Kinh phí hợp tác với các tỉnh, thành</b>	<b>783.000.000</b>
<b>d</b>	<b>Kinh phí Đoàn cán bộ đi công tác Nhật Bản</b>	<b>104.000.000</b>